

Bản án số: 1818/2025/DSST
Ngày 30 - 12 - 2025
V/v: Tranh chấp
Hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Phương Lan

Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nghị - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoài– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 03 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4488/2025/QĐXXST-DS ngày 17/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5320/2025/QĐST-DS ngày 10/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V; (V1); trụ sở chính: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Ngô Chí D; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Duy Đ (văn bản ủy quyền ngày 01/8/2025) *có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Đại diện Công ty cổ phần M (theo văn bản số 33/2025/VPB-JUPITER ngày 28/7/2025); Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T; địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc T1; địa chỉ liên hệ: Tầng G, Tòa nhà C, số D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

2. Bị đơn: Ông Đỗ Khắc T2, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Việt T3, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Số D P, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/02/2025 Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1) và hợp đồng mua bán nợ số 33/2025/VPB-Jupiter ngày 28/7/2025 trình bày:

Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là V1) với ông Đỗ Khắc T2 và bà Nguyễn Thị Việt T3 ký các Hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số LN2207216286924 ngày 26/07/2022 và Khế ước nhận nợ vay tại V1 số tiền là 3.860.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng; mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất tại thời điểm vay: 8%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần, biên độ + 3.5%/năm.

- Hợp đồng tín dụng số LN1706140077248/SGN/HĐTD ký ngày 28/06/2017 và Khế ước nhận nợ kèm theo, ông Đỗ Khắc T2 và bà Nguyễn Thị Việt T3 vay vốn tại V1 số tiền 800.000.000 đồng; thời hạn vay 120 tháng; mục đích vay tiêu dùng mua sắm đồ dùng gia đình. Lãi suất tại thời điểm vay: 13%/năm, lãi suất cho vay trong hạn điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần, biên độ + 6%/năm.

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 18/06/2022; hạn mức: 200.000.000 đồng; mục đích sửa chữa nhà.

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ2 ký ngày 25/08/2022; Hạn mức: 299.000.000 đồng; mục đích cấp sửa chữa nhà.

Ông Nguyễn Khắc T4, bà Nguyễn Thị Việt T3 đồng ý thế chấp tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số 348; tờ bản đồ số: 62; tại địa chỉ: Xã Đ, Huyện H, TP . theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE568936, sổ vào sổ cấp GCN: CH00814 do UBND huyện H, TP . cấp ngày 09/08/2011.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Đỗ Khắc T2 và bà Nguyễn Thị Việt T3 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T2, bà T3 không thanh toán đúng hạn, ngày 22/07/2024 ngân hàng chuyển toàn bộ khoản nợ sang nợ quá hạn, tổng số tiền ông Đỗ Khắc T2 và Bà Nguyễn Thị Việt T3 còn nợ tại Ngân hàng TMCP V, tính đến ngày 15/11/2025 số tiền là 4.105.073.679 đồng (gồm nợ gốc là 3.250.397.994 đồng; nợ lãi 854.675.685 đồng). Ngày 28/7/2025, Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M1 ký kết hợp đồng mua bán nợ số 33/2025/VPB-JUIPITER. Theo nội dung mua bán nợ thì Công ty cổ phần M1 mua lại số nợ gốc, lãi của ông T2 và bà T3 là theo tỉ lệ 95% , 5% khoản nợ gốc, lãi của Ngân hàng TMCP V

Ngày 04/11/2025 công ty J có đơn độc lập yêu cầu ông T2, bà T3 phải thanh toán trả ngay cho công ty số tiền gốc là 3.087.878.094; tiền lãi là 811.941.901 đồng, yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngân hàng TMCP V, yêu cầu ông T2 và bà Thanh thanh T5 trả nợ gốc là 162.519.900 đồng; lãi là 42.733.784 đồng, yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ ngày 16/11/2025, ông T2 và bà T3 còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh trên số tiền chưa thanh toán theo lãi suất thoả thuận của các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi tất toán hết nợ cho Công ty cổ phần M1 và ngân hàng TMCP V.

Trường hợp ông Đỗ Khắc T2 và bà Nguyễn Thị Việt T3 không có khả năng thanh toán toàn bộ số tiền nợ nêu trên thì Công ty cổ phần M1 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số 348; tờ bản đồ số: 62; tại địa chỉ: Xã Đ, Huyện H, TP. theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE568936, sổ vào sổ cấp GCN: CH00814 do UBND huyện H, TP. cấp ngày 09/08/2011 để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Đỗ Khắc T2 trình bày:

Ông Đỗ Khắc T2 và bà Nguyễn Thị Việt T3 có vay tín dụng tại ngân hàng TMCP V theo hợp đồng số LN2207216286924 ngày 26/07/2022, số tiền vay là 3,860,000,000. Hợp đồng vay số LN1706140077248 ngày 28/06/2017, số tiền vay là 800,000,000 đồng. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng Đ1, số tiền vay: 200.000.000 đồng và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng Đ3, số tiền vay: 299,000,000 đồng. Quá trình giải quyết, ông Đỗ Khắc T2 thống nhất còn nợ Ngân hàng V2 đến ngày 15/11/2025 nợ tiền gốc là 3,250,398,031 đồng; nợ lãi là 854.675685 đồng. Ông T2, bà T3 đồng ý thanh toán trả cho ngân hàng V2 tiền gốc và lãi đến ngày 15/11/2025 là 205.253.684 đồng, Công ty cổ phần J số tiền 3.899.819.995 đồng nhưng yêu cầu được trả toàn bộ số trên trong thời gian là 06 tháng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về giải quyết và xét xử vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bà T3 chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của Công ty cổ phần M1.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả khoản vay tín dụng còn nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng TMCP V nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tín dụng” được quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Đỗ Khắc T2 và bà Nguyễn Thị Việt T3, cùng cư trú tại số D P, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh và đang cư trú tại địa chỉ trên. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đã tiến hành, niêm yết, tổng đạt, triệu tập bà Nguyễn Thị Việt T3 theo quy định nhưng bà Nguyễn Thị Việt T3 vắng mặt, ông Đỗ Khắc T2 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về yêu cầu đương sự:

[3.1] Xét thấy ông Đỗ Khắc T2, bà Nguyễn Thị Việt T3 có ký các Hợp đồng tín dụng số LN2207216286924 ngày 26/07/2022 vay số tiền là 3.860.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số LN1706140077248/SGN/HĐTD ký ngày 28/06/2017, vay vốn là 800.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP Việt Nam V cấp hạn mức sử dụng thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Khắc T4 là số tiền là 200.000.000 đồng theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 18/06/2022. Ngày 25/08/2022, Ngân hàng TMCP V cấp hạn mức sử dụng thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Khắc T4 số tiền là 299.000.000 đồng theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ2.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T4 thống nhất số tiền còn nợ Ngân hàng tiền gốc là 3.899.819.995 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/11/2025 là 205.253.684 đồng. Do công việc đang khó khăn, ông Nguyễn Khắc T4, bà T3 đồng ý thanh toán toàn bộ số nợ nhưng yêu cầu được trả trong thời gian là 06 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm ký kết hợp đồng bị đơn hiểu rõ, xác nhận về thời gian vay, phương thức thanh toán và lãi suất của hợp đồng vay tại V1. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 thì “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật”. Vì vậy nếu đến hạn thanh toán mà bên vay không trả nợ vay hoặc thanh toán không đầy đủ tiền lãi như đã thỏa thuận thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả theo cơ chế điều chỉnh lãi suất của các

hợp đồng tín dụng được thỏa thuận giữa bên cho vay và bên vay đối với khoản vay có thời hạn cho vay trên 12 tháng: Mức lãi suất cho vay trong hạn theo quy định. Lãi suất cho vay trong hạn sau đó được điều chỉnh 03 tháng/1 lần. Việc điều chỉnh lãi suất được thực hiện định kỳ vay có thời hạn cho vay tương ứng với thời hạn cho vay nếu cộng (+) biên độ ("Mức lãi suất cho vay điều chỉnh"). Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày tiếp theo ngày V1 giải ngân vốn vay đến hết ngày khách hàng thanh toán hết toàn bộ dư nợ cho V1 và số thực tế để tính lãi là số dư đầu ngày tính lãi. Vì vậy nếu đến hạn thanh toán mà bên vay không trả nợ vay hoặc thanh toán không đầy đủ thì V1 yêu cầu ông T4, bà T3 phải thanh toán ngay số tiền nợ gốc và lãi tính của hợp đồng cho vay số LN2207216286924 ngày 26/07/2022; Hợp đồng tín dụng số LN1706140077248/SGN/HĐTD ký ngày 28/06/2017. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 18/06/2022 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ2 ký ngày 25/08/2022. Vì ông T4, bà T3 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 22/7/2024 Ngân hàng chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn tính đến ngày 15/11/2025 số tiền nợ gốc là 3.250.397.994 đồng, tiền lãi là 854.675.685 đồng. Trong đó, N hàngTMCP Việt Nam T yêu cầu ông T4, bà Thanh thanh T5 theo tỉ lệ nợ gốc, lãi là 5% tương đương tiền nợ gốc 162.519.900 đồng, lãi 42.733.784 đồng, có cơ sở chấp nhận.

Công ty cổ phần M1 yêu cầu ông T4, bà Thanh thanh T5 theo tỉ lệ nợ gốc, lãi là 95% tương đương tiền nợ gốc là 3.087.878.094 đồng, lãi đến ngày 15/11/2025 là 811.941.901 đồng là có cơ sở chấp nhận. Xét thấy Công ty cổ phần M1 và bị đơn không thống nhất về thời gian thanh toán trả nợ vì vậy bị đơn yêu cầu được trả nợ gốc, lãi trong thời gian 06 tháng là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Từ ngày 16/11/2025, ông T4, bà T3 còn phải trả tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng nêu trên tại Ngân hàng thương mại cổ phần V3.

[3.2] Về tài sản bảo đảm: Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ của nguyên đơn nhận thấy: Để đảm bảo cho khoản vay tín dụng tại V1. Ông Đỗ Khắc T2, bà Nguyễn Thị Việt T3 tự nguyện thế chấp tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số 348; tờ bản đồ số: 62; tại địa chỉ: Xã Đ, Huyện H, TP . theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE568936, số vào sổ cấp GCN: CH00814 do UBND huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/08/2011. tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LN1706140077248/SGN/HĐTC ngày 28/6/2017 thỏa thuận bên thế chấp tài sản đồng ý thế chấp tài sản để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, ... tại Ngân hàng TMCP V, trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Công ty cổ phần M1 thì ông T2 bà T3 vẫn có nghĩa vụ tiếp

tục trả hết số nợ còn lại cho Công ty cổ phần M1 và Ngân hàng TMCP V. Hội đồng xét xử xét thấy, C chủ thể ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện giao kết, các điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật, tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do đó, yêu cầu của Nguyên đơn về việc trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí của Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định. Xét thấy ông Đỗ Khắc T2; sinh năm 1963 là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí. Bà Nguyễn Thị Việt T3 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 39, Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty cổ phần M1.

Buộc ông Đỗ Khắc T2, bà Nguyễn Thị Việt T3 có nghĩa vụ thanh toán trả cho N hàng TMCP Việt Nam T số tiền nợ vốn là 162.519.900 đồng, tiền lãi là 42.733.784 đồng.

Buộc ông Đỗ Khắc T2, bà Nguyễn Thị Việt T3 có nghĩa vụ thanh toán trả cho Công ty cổ phần M1 số tiền còn nợ gốc là 3.087.878.094 đồng, nợ lãi là 811.941.901 đồng.

Ngoài ra ông Đỗ Khắc T2, bà Nguyễn Thị Việt T3 còn phải trả thêm tiền lãi từ ngày 16/11/2025 trên số tiền gốc theo lãi suất của các hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần V3.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí DSST: Ông Đỗ Khắc T2 được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Việt T3 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 112.105.000 đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho N hàng TMCP Việt Nam T đã nộp là 52.706.178 đồng, theo biên lai thu số 0057470 ngày 06/3/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Công ty cổ phần M đã nộp là 53.883.049 đồng, theo biên lai thu số 0036691 ngày 10/11/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp ông Đỗ Khắc T2, bà Nguyễn Thị Việt T3 không có khả năng thanh toán khoản nợ nêu trên thì Công ty cổ phần M1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thi hành đối với tài sản thế chấp đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số 348; tờ bản đồ số: 62; tại địa chỉ: Xã Đ, Huyện H, TP . theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE568936, sổ vào sổ cấp GCN: CH00814 do UBND huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/08/2011. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Công ty cổ phần M1, Ngân hàng TMCP V thì ông T2 bà T3 vẫn có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số nợ còn lại cho Công ty cổ phần M1 và Ngân hàng TMCP V.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND TP . HCM;
- VKSND KV7, TP HCM;
- THA DS KV7, TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Lê Thị Thùy Trang